

triển tốt. Kết quả này đặt ra triển vọng nuôi rong câu trên quy mô đại trà với năng suất cao. Còn tiếp tục thử nghiệm lưu giống qua hệ (mùa nước ngọt ảnh hưởng xấu).

Năm 1988 bên cạnh di nhập giống, lưu giống qua hệ, Phòng sinh thái thực vật biển của Trung tâm cũng đã tiến hành trồng rong câu chi vàng tăng sản trên quy mô 5 hecta ở đầm nước lợ HTX Nam Hải Hải Phòng. Kết quả đã giúp HTX thu hoạch được 10 tấn rong câu khô bằng 14 triệu đồng.

Các nhóm chuyên môn của Trung tâm tích cực tham gia biên soạn phần «Thiên nhiên» trong địa chỉ Hải Phòng, Huyện, Quận chí... Tháng 7-1988 Trung tâm mở Hội thảo khoa học về Trường Sa và Hoàng Sa, công bố một loạt các kết quả mới về nghiên cứu các ám tiêu san hô và địa chất - địa mạo các vùng ám tiêu. Tham gia Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ nhất, Hội nghị khảo cổ học 1988 và phối hợp với tập san Hải quân mở chuyên mục «Tai nguyên và môi trường biển» nhằm đẩy mạnh công tác thông tin khoa học nói chung.

Tổ chức sản xuất thử theo các quy trình chế biến agar từ rau câu và cải tiến quy trình chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm. Đặt cơ sở chế biến agar phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

III. Kết luận.

Trong hoàn cảnh khó khăn chung về đời sống cán bộ khoa học và về kinh phí, nhưng trung tâm đã tập trung chỉ đạo, động viên tổ chức các đề dài bám sát mục tiêu, đạt kết quả tốt.

Nhiều kết quả có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, giúp địa phương có cơ sở khoa học chỉ đạo sản xuất và áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào phát triển kinh tế ven biển.

Kết quả nghiên cứu trong 2 năm qua cho phép khẳng định hướng nghiên cứu khoa học của Trung tâm là đúng đắn, định hướng vào nhu cầu thực tiễn sản xuất và đón bắt được nhu cầu tương lai.

Một số đề tài được địa phương hoan nghênh, đánh giá cao và mời ký hợp đồng chuyển giao kết quả, hoặc hợp đồng kinh tế - kỹ thuật tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, phạm vi ứng dụng các kết quả còn hạn chế, chưa được nhiều địa phương biết, số lượng các kết quả phục vụ nhu cầu «hàng hóa» còn quá ít, chưa tương xứng với đòi hỏi của thực tế.

Đầu tư kinh phí từ các cơ quan quản lý quá ít, không đủ để phối hợp với các cơ quan chuyên môn đưa kết quả tới sản phẩm cuối cùng mà sản xuất cần.

Biên tập: Kim Oanh

GIÁ TRỊ VÀ TIỀM NĂNG CỦA NỀN Y HỌC CỔ TRUYỀN DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN SI LÂM

Xác định vị trí và đánh giá tiềm năng thực sự của nền y dược học cổ truyền trong sự phát triển của ngành y tế - y học Việt Nam là một việc làm hết sức cần thiết để từ đó có sự thống nhất về cách đi, cách làm và phải được thể chế hóa bằng những chính sách cụ thể, những tổ chức hợp lý nhằm phát huy hết tiềm năng của nền y dược học cổ truyền. Đó chính là mục tiêu của cuộc hội thảo quốc gia về chuyên đề y dược học cổ truyền do Bộ y tế tổ chức cuối tháng 4 vừa qua.

Dưới đây là một trong những tham luận chính thức của cuộc hội thảo.

DÂN tộc ta trải qua 4000 năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước đã có 3 truyền thống lớn là chống ngoại xâm, cấy lúa nước và Y học cổ truyền dân tộc (YHCTDT).

Nền YHCTDT Việt Nam từ thời đại Hùng Vương đến nay luôn luôn có một vị trí quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của nhân dân ta, trong lao động sản xuất cũng như trong chiến đấu chống ngoại xâm.

Nền YHCTDT Việt Nam đã được đúc kết xây dựng từ những kinh nghiệm thực tế trong phòng bệnh, chữa bệnh và sử dụng cây cho làm thuốc, từ thể hệ này qua thể hệ khác, đã để lại cho chúng ta những pho sách hết sức có giá trị như: Nam dược thần hiệu, Hồng nghĩa giác tư y thư, Hải thượng y tông tâm lĩnh v.v... đã nói lên giá trị khoa học to lớn của nền YHCTDT Việt Nam.

Vấn đề hiện nay đặt ra là:

1. Y học cổ truyền dân tộc Việt Nam có phải là một nền y học hoàn chỉnh không?

Có thể nói rằng không một ai dám khẳng định là có một nền y học tây y hoặc đông y hoàn chỉnh cả. Bởi vì cả y học hiện đại (YHHĐ) và YHCTDT đều có mặt mạnh (sở trường) và mặt yếu (sở đoản) của nó. Do đó chỉ có thể nói

rằng cả YHCTDT và YHHĐ đều là một nền y học tương đối hoàn chỉnh mà thôi.

YHHĐ có hệ thống lý thuyết cơ sở chỉ đạo việc phòng bệnh, chữa bệnh thì YHCT cũng có hệ thống lý luận riêng, có phương pháp chẩn đoán và điều trị riêng. Đi từ lý, pháp đến phương dược, là một phương pháp luận nhất quán và hoàn chỉnh của YHCT trong phòng bệnh, chữa bệnh.

Hệ thống lý luận của YHCT dựa trên cơ sở triết học duy vật biện chứng cổ đại Phương Đông như các luận thuyết: âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc, kinh dịch, thiên nhân hợp nhất v.v... Những nguyên lý, những quy luật của các luận thuyết đó được vận dụng vào việc tìm hiểu sinh lý, bệnh lý của con người, chỉ đạo việc chữa bệnh phòng bệnh bằng thuốc hoặc không bằng thuốc.

Trong chẩn đoán, YHCT có 4 phương pháp: vọng, vân, vấn, thiết, gọi là «tứ chẩn». Từ tìm hiểu bệnh đến điều trị bệnh, YHCT tiến hành theo một quá trình nhất quán là: «lý — pháp — phương — dược», đó là phép biện chứng luận trị của YHCT.

Cương lĩnh biện chứng luận trị chủ yếu của YHCT là bát cương: Hàn, nhiệt — hư, thực — biểu, lý — tà, chính (thay vào âm, dương). Trên lâm sàng hai cương hàn, nhiệt là trọng yếu, đã phát huy lớn trong chẩn đoán và điều trị. Phân biệt đúng hàn chứng, nhiệt chứng, điều trị sẽ tránh được sai lầm.

Việt Nam không dập khuôn lý luận Trung y mà có sáng tạo riêng của Việt Nam như các luận thuyết «thuốc Nam Việt trị người Nam Việt» của Tuệ Tĩnh, — «ngoại cảm thông trị» của Hải Thượng Lãn Ông...

YHCT có 3 ưu điểm, đó là:

— Xét bệnh có hàn — nhiệt.

— Có quan niệm chỉnh thể: Con người và ngoại cảnh là một chỉnh thể; Tạng phủ với con người là một chỉnh thể.

— Phương dược không dùng tinh chất (hoạt chất) mà dùng toàn bộ (cả tinh chất và tạp chất). Đặc biệt trong phương dược lại có sự phối ngũ chặt chẽ theo biện chứng luận trị.

Cũng như YHHĐ, YHCTDT bao gồm nhiều lĩnh vực: vệ sinh phòng bệnh, xoa bóp luyện tập dưỡng sinh, nội, nhi, phụ (kinh — đới — thai — sản) ngoại (thương khoa) da liễu, bệnh ngũ quan, ôn bệnh (dịch tễ) v.v...

Mỗi lĩnh vực đều có trước tác của các danh y tiền bối để lại. Bộ «Y tông tâm lĩnh» của Hải Thượng Lãn Ông là một bách khoa toàn thư về YHCTDT Việt Nam. Về dưỡng sinh có tác phẩm «Bảo sinh diên thọ toàn yếu» của Đào Công Chính. Về châm cứu có tác phẩm «Châm cứu tiếp hiệu điển ca» của Nguyễn Đại Năng.

Về nhãn khoa có tác phẩm «Nhãn khoa yếu lược» của Lê Đức Vọng. Về nhi khoa có tác phẩm «Bảo anh lương phương» của Nguyễn Trục. Về thuốc nam có tác phẩm «Nam dược thần hiệu» của Tuệ Tĩnh v.v...

Các tác phẩm y học nói trên đúc kết kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh của các danh y Việt Nam vận dụng quan niệm chỉnh thể, phương pháp biện chứng luận trị vào đặc điểm sinh lý, bệnh lý và dược liệu Việt Nam, đến nay còn nhiều giá trị thực tế.

Vì vậy, quan niệm YHCT chỉ là kinh nghiệm và là 1 chuyên khoa như những chuyên khoa khác của YHHĐ là không đúng.

2. Khả năng và tiềm năng của YHCTDT:

a) Trong lĩnh vực phòng bệnh chữa bệnh:

Trong lĩnh vực này, khả năng và tiềm năng của YHCTDT rất phong phú và đa dạng, từ vệ sinh, phòng bệnh, dùng thuốc đến không dùng thuốc.

Phương pháp chữa bệnh bằng thuốc của YHCTDT được sử dụng chữa các bệnh cấp tính và mạn tính một cách phổ biến. Phương pháp dùng thuốc của YHCTDT có khả năng giải quyết được nhiều bệnh thuộc các chuyên khoa: Nội — Ngoại — Nhi — Phụ — Nhân — Da liễu v.v... kể cả một số bệnh khó chữa.

Phương pháp phòng bệnh chữa bệnh không dùng thuốc có: Châm cứu; Xoa bóp, bấm huyệt, cạo gió, chích lễ...; Dưỡng sinh, khí công...

Trong phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc chỉ đơn cử khả năng chữa bệnh của châm cứu. Châm cứu là 1 phương pháp chữa bệnh trong nền YHCTDT — Châm và cứu đều lấy lý luận kinh lạc làm chủ đạo, đã được lưu truyền ở nước ta từ lâu. Châm cứu có khả năng giải quyết được nhiều bệnh, từ bệnh cấp tính đến một số bệnh mạn tính khó chữa. Những năm gần đây châm điện phát triển làm cho châm cứu tiến lên 1 bước mới là sử dụng châm tề trong phẫu thuật. Đã áp dụng châm tề trong 60 loại phẫu thuật khác nhau. Với những kinh nghiệm thực tiễn trên lâm sàng của nền YHCTDT và những kết quả thu được trong việc nghiên cứu ứng dụng YHCTDT trong các viện, bệnh viện đã chứng minh khả năng to lớn của nó. Tương lai khả năng này còn tiếp tục được phát huy lớn hơn nữa nếu đưa được những kinh nghiệm đã thừa kế vào nghiên cứu ứng dụng đầy đủ.

b) Trong lĩnh vực dược cổ truyền dân tộc:

Thuốc dề chữa bệnh của YHCTDT là dược liệu đã được chế biến theo phương pháp đặc biệt của YHCTDT, phù hợp với phép biện chứng luận trị của thầy thuốc cổ truyền dân tộc, giúp cho người thầy thuốc cổ truyền điều khiển được thuốc vào các tạng, phủ, kinh lạc cần chữa bệnh.

Nguyên dược liệu ở nước ta rất đa dạng. Có nhiều loại quý hiếm trên thế giới như: sâm khu 5, tam thất, quế, hồi, sa nhân, trầm hương, tắc kè, hộc, hải mã v.v... Dược liệu ở nước ta chẳng những là cơ sở của YHCTDT mà còn có một vị trí quan trọng trong nền YHHD, chẳng những là nguồn tự cung tự cấp về các loại nguyên liệu chế biến thuốc YHDT và tân dược mà còn là loại hàng xuất khẩu có giá trị đem lại nhiều ngoại tệ cho nước nhà (hiện nay thuốc xuất khẩu chủ yếu là dược liệu).

c) Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học y dược:

Đất nước ta có một đội ngũ thầy thuốc YHCT đông đảo. Hàng nghìn người đã và đang tham gia vào việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân lao động trong mạng lưới y tế ở mọi miền của đất nước. Theo thống kê của Bộ y tế, 50% số người bệnh ở các xã, phường được chữa bằng YHDT. Lực lượng này là 1 tiềm năng to lớn của y học Việt Nam. Lực lượng này đã được tập hợp vào Hội YHCTDT Việt Nam, đã và đang đóng góp tích cực vào việc thừa kế phát huy, phát triển YHCTDT và trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Kho tàng YHCTDT bao gồm: những thuốc cổ đại, những kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh dân gian, những kinh nghiệm sống của các lương y đương thời, những cây con làm thuốc. Đây là những đề tài phong phú để giới y học hiện đại nghiên cứu chọn lọc ứng dụng nhất là trong lĩnh vực phòng và chữa bệnh nhiệt đới. Bằng con đường nghiên cứu y học từ những kinh nghiệm của y dược học cổ truyền, chúng ta sẽ tìm ra những mũi nhọn, có thể đưa nhanh vị trí của y học Việt Nam ngang tầm của y học thế giới và của thời đại. Một số nước ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ la tinh và Tổ chức y tế thế giới cũng có nhận thức như vậy. Họ cử cán bộ sang Việt Nam nghiên cứu và học YHCTDT Việt Nam. Họ mời cán bộ YHCTDT Việt Nam sang hướng dẫn và điều trị. Tổ chức y tế thế giới đã quyết định chọn Việt Nam xây dựng trung tâm phối hợp nghiên cứu YHCTDT Việt Nam. Trong lĩnh vực này rõ ràng đây là một thế mạnh của y học Việt Nam.

d) Trong lĩnh vực kinh tế:

Y dược học dân tộc có nhiều khả năng đóng góp vào 3 chương trình kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đó là:

— Khai thác nuôi trồng dược liệu để sử dụng trong nước và xuất khẩu.

— Sản xuất thuốc thành phẩm từ các phương thuốc kinh nghiệm, gia truyền của YHDT để sử dụng trong nước và xuất khẩu.

— Đào tạo cán bộ YHDT cho các nước.

— Hợp tác với các nước mở các cơ sở chữa bệnh bằng YHDT ở nước ngoài (như ta đang làm ở Liên Xô).

— Sản xuất các thiết bị và phương tiện cho khám bệnh, chữa bệnh và sản xuất thuốc YHDT.

Trong lĩnh vực này nếu ta đầu tư và khai thác thế mạnh đó một cách thích đáng thì chắc chắn YHCTDT sẽ đóng góp đặc lực trong việc thực hiện 3 chương trình kinh tế của Đảng và Nhà nước ta.

3. Nhược điểm và tồn tại YHCTDT:

YHCTDT Việt Nam được hình thành và phát triển từ khi phương tây chưa đi vào các cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học — kỹ thuật và chưa có khoa học thực nghiệm nên YHCTDT chưa được chứng minh và nâng cao bằng khoa học và kỹ thuật hiện đại.

Chưa đào tạo được đội ngũ cán bộ giỏi về YHCTDT và có trình độ về YHHD đáp ứng được nguyện vọng của Đảng và Nhà nước trong việc thừa kế, phát huy, phát triển YHCTDT.

Tài liệu giáo khoa đã được biên soạn của các trường lớp chính quy chưa thể hiện đầy đủ việc coi trọng lý luận YHCTDT.

Nguyên thuốc cung cấp cho YHDT không đủ, thiếu lượng, thiếu vị.

Hiện nay còn có một số ít người không phải thầy thuốc YHDT lợi dụng YHDT mưu lợi ích riêng làm tổn hại đến uy tín của nền YHDT.

4. Kiến nghị:

Thành lập Hội đồng YHDT ở Bộ y tế có đại diện Hội đồng YHCTDT Việt Nam tham gia. Hội đồng này có chức năng tư vấn cho bộ trưởng Bộ y tế trong công tác thừa kế phát huy phát triển YHDT.

Các giáo sư, các nhà nghiên cứu khoa học tham gia nghiên cứu chứng minh giá trị khoa học của YHCTDT bằng phương pháp lâm sàng và thực nghiệm.

Mở rộng việc đào tạo cán bộ YHDT cho cả 2 lĩnh vực: phổ cập và chuyên sâu.

Giải quyết thuốc cho y học dân tộc để đầy mạnh thừa kế, phát huy, phát triển YHCTDT.

Nhà nước và ngành y tế tiếp tục nghiên cứu bổ sung và có chính sách bảo trợ Hội YHDT và tổ chức tốt hơn nữa việc duy trì, phát huy, phát triển YHCTDT. Nên thành lập trường cao đẳng hoặc đại học y học dân tộc và tổ chức ban tu thư để biên soạn sách giáo khoa cho YHDT.

Biên tập: Nguyễn Chân Giác